TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1429/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-9-2017
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Thống**;

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Tươi**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tâm -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân *tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Tuấn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 659/2017/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Chung cư E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Chung cư E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 28/4/2017, bản tự khai ngày 29/5/2017 và các Biên bản hòa giải của Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông và bà T tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 19/5/2010. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại căn hộ: Chung cư E, phường A, quận B; thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2017 thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hòa hợp, thường hay cải nhau

về chuyện tiền bạc trong gia đình. Ông H thừa nhận bản thân ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên giữa vợ chồng không còn gắn bó, bà T nhiều lần đến chỗ làm của ông H la lối và nhắn tin hăm dọa. Ông H và bà T đã ly thân, không sống chung từ tháng 02/2017; đến nay tình cảm không còn, ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H khai quá trình chung sống, ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/3/2011; khi ly hôn ông H đề nghị giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có.

Tại bản tự khai ngày 07/6/2017 và các Biên bản hòa giải của Tòa án, bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T thống nhất với ông H về nguyên nhân và điều kiện kết hôn của vợ chồng; bà T xác định cuộc sống chung của vợ chồng rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2017, bà phát hiện ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, khi bà khuyên nhủ thì ông H hứa chấm dứt nhưng sau đó bà phát hiện ông H vẫn còn quan hệ tình cảm với người này, giữa hai người còn thuê sạp kế bên nhau để kinh doanh. Bà và ông H đã ly thân, không sống chung với nhau từ tháng 4 năm 2017 nhưng thỉnh thoảng ông H vẫn về thăm và đưa đón con đi học; bản thân bà vẫn còn thương chồng, mong muốn cùng chồng chăm sóc con chung đang bệnh nặng nên không đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T thống nhất, quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/3/2011. Trường hợp ly hôn thì bà T có yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

Tòa án đã tổ chức cho các bên hòa giải và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên hòa giải đoàn tụ không thành.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu như quá trình giải quyết vụ án;

Về con chung: ông H và bà T thống nhất bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/3/2011; ông H cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng để nuôi con; việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 dương lịch hằng tháng; thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng: kể từ ngày 01/10/2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Huỳnh Thị Bích T. Bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 10/8/2017, Tòa án nhận được Đơn tố giác tội phạm khẩn cấp của bà T, nội dung đơn yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với ông Nguyễn Thanh H về hành vi "Vi phạm chế độ một vợ, một chồng" theo quy định tại Điều 147 Bộ luật hình sự; Tòa án đã chuyển Đơn này cho Cơ quan điều tra Công an quận Bình Tân xem xét. Ngày 22/8/2017, Cơ quan điều tra có Thông báo số 695/TB-CQCSĐT-ĐTTH xác định nội dung đơn của bà T là tranh chấp về hôn nhân gia đình và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra Công an quận Bình Tân. Xét, nội dung Đơn của bà T đã được cơ quan có thẩm quyền trả lời và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T kết hôn, chung sống với nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 19/5/2010 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp;

Ông H và bà T cùng có lời khai thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng có những bất đồng quan điểm nhất định, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn mà theo ông H nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm trong chi tiêu gia đình;

Bà T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H không chung thủy, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, bị bà T phát hiện; ông H và bà T cũng thống nhất đã không còn sống với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay;

Tòa án đã cho các bên thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên thực tế các bên đã không gặp gỡ, tiếp xúc nhằm tìm hiểu, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Việc bà T cho rằng ông H không chung thủy khi có quan hệ tình cảm

với người phụ nữ khác bên ngoài, nhiều lần bị bà T bắt gặp cho thấy đã có sự thay đổi về tình cảm vợ chồng và khả năng hàn gắn tình cảm là không thể.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của ông H và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà T, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông H và bà T thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/3/2011. Tại phiên tòa, hai bên thỏa thuận bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông H cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng để nuôi con; việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 dương lịch hằng tháng; thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng: kể từ ngày 01/10/2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động;

Xét, thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T khai thống nhất không có. Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 246, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H;

Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bích T;

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 19/5/2010 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh L cấp không còn giá trị.

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh H và bà Huỳnh Thị Bích T:

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 28/3/2011;

Giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H phải cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng để bà T nuôi con, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 dương lịch hằng tháng; thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng: kể từ ngày 01/10/2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ khi bà Huỳnh Thị Bích T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh H chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì hằng tháng ông H còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000194 ngày 11/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; ông H còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng đối với phần các đương sự đã thỏa thuận được tại phiên tòa có hiệu lực thi hành ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Quốc Thái